

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2025/DS-ST
Ngày 31 - 7 - 2025
V/v tranh chấp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Việt Khái

Ông Trần Văn Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Bảo Trân là Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Chí Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 216/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2025 về việc “tranh chấp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Mỹ H, sinh năm 1965. Địa chỉ: Ấp G, xã C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Hồ Văn K, sinh năm 1983. Địa chỉ: Khóm H, xã C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Bị đơn:

1. Ông Trương Văn T, sinh năm 1985 (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1982 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 15/02/2023 (âm lịch) bà H có làm chủ loại hui 1.000.000 đồng có 56 hui viên tham gia, trong đó vợ chồng ông T và bà C có tham gia 03 chân hui, ông T, bà C đóng hui đến ngày 25/02/2023 (âm lịch) thì hốt chân hui nêu trên lần thứ nhất,

đến ngày 15/3/2023 (âm lịch) thì tiếp tục hót chân hụi nêu trên lần thứ hai và sau đó đến ngày 30/5/2023 (âm lịch) thì hót chân hụi nêu trên lần thứ ba, những lần hót hụi nêu trên bà H đều chung tiền hụi cho ông T và bà C đầy đủ.

Sau khi hót hụi cho đến nay ông T và bà C có đóng hụi cho bà H nhưng không đủ và tính đến thời điểm mãn dây hụi 1.000.000 đồng vào 30/4/2025 âm lịch thì ông T và bà C nợ bà H tổng cộng là 51.000.000 đồng.

Ngày 25/7/2024 (âm lịch) bà H tiếp tục làm chủ loại hụi 2.000.000 đồng có 52 hụi viên tham gia, ông T và bà C tham gia 01 chân hụi, ông T và bà C hót đầu chung hụi vào ngày 25/07/2024 (âm lịch), bà H trực tiếp chung hụi cho ông T và bà C tại nhà ông T, bà C. Sau khi hót hụi cho đến nay ông T, bà C có đóng hụi cho bà H nhưng không đủ và tính đến thời điểm mãn dây hụi 2.000.000 đồng vào ngày 30/8/2026 thì ông T, bà C nợ bà H tổng cộng là 102.000.000 đồng.

Ngoài ra ông T và bà C còn nợ bà H tiền hụi cũ mà ông T, bà C tham gia trước đây là 10.000.000 đồng.

Tổng số tiền hụi của 02 dây hụi 1.000.000 đồng, 2.000.000 đồng và tiền hụi cũ ông T và bà C nợ bà H là 163.000.000 đồng. Bà H có yêu cầu nhiều lần nhưng ông T, bà H cứ hứa hẹn nhưng không thanh toán.

Nay bà H yêu cầu ông T và bà C trả số tiền là 163.000.000 đồng.

Bị đơn trình bày:

Ông bà thống nhất việc có tham gia 02 dây hụi như nguyên đơn trình bày, quá trình tham gia ông bà đã hót hết các chung hụi tham gia, ông, bà đóng hụi chết không đầy đủ, tính đến thời điểm hòa giải ông bà còn nợ ở hai dây hụi tổng số tiền 26.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này, số tiền cụ thể từng dây hụi thì ông bà không nhớ do mỗi lần đóng tính cho cả hai dây hụi, mỗi lần đóng không đầy đủ, số tiền thiếu lại không giống nhau, ông bà có tự theo dõi.

Bà C xác định từ ngày 15/8/2024 âm lịch, bà phải đóng hụi chết cho bà H là 5.000.000 đồng cho 02 dây hụi mỗi tháng, bà có đóng nhưng không đầy đủ cụ thể: Ngày 17/8/2024, 30/8/2024, 15/9/2024, 30/9/2024 và 15/10/2024 (đều là ngày âm lịch) mỗi lần đóng bà nợ lại bà H 500.000 đồng, tổng 2.500.000 đồng. Ngày 30/10/2024, 15/11/2024, 30/11/2024, 15/12/2024, 30/12/2024, 15/01/2025, 30/01/2025, 15/02/2025 (đều là ngày âm lịch), mỗi lần đóng nợ lại 1.500.000 đồng, tổng số tiền 13.500.000 đồng. Ngày 15/3/2025 và ngày 30/3/2025 âm lịch bà có đóng nhưng bà H không nhận nên từ ngày 15/3/2025 âm lịch đến nay bà chưa đóng hụi. Nay bà thống nhất trả cho bà Hằng số tiền 26.000.000 đồng nhưng do điều kiện nên bà yêu cầu trả dần đến khi hết nợ.

Đối với số tiền 10.000.000 đồng nguyên đơn yêu cầu, do trước đây bà đóng hụi cho bà H mỗi tháng 13.000.000 đồng, bao gồm tiền nợ hụi của chung hụi 2.000.000 đồng (hụi trước đây đã mãn, bà chơi 05 chung) và hụi 1.000.000 đồng ngày 10/02/2023 (đang tranh chấp), do quá trình đóng không đủ nên bà có nhờ bà H vay dùm bà số tiền hàng tháng bà đóng không đủ và bà có trách nhiệm đóng lãi, bà H có vay tiền và có cho bà biết lãi suất 600.000đ/10.000.000đ/tháng, quá trình đóng lãi bà có đóng 2.000.000 đồng, số tiền bà còn nợ bà H 10.000.000 đồng và

đồng ý trả, tuy nhiên do hiện nay điều kiện khó khăn nên bà yêu cầu bà trả xong nợ hui, sau đó bà sẽ trả số tiền này.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu bị đơn trả số tiền 163.000.000 đồng, xác định số tiền 10.000.000 đồng không phải tiền lãi mà là tiền hui mà bị đơn còn nợ trong quá trình tham gia hui trước đây, hiện nay không cung cấp được chi tiết dây hui, hui 1.000.000đ bị đơn đã đóng được 27.000.000 đồng, hui 2.000.000đ đã đóng được 16.000.000 đồng, bị đơn ngưng đóng từ ngày 10/01/2025.

- Bị đơn xác định ngưng đóng hui từ ngày 15/3/2025, đồng ý trả 26.000.000 đồng tiền nợ hui đóng không đầy đủ đến ngày 15/3/2025, thống nhất trả tiếp tiền hui đến khi mãn hui và 10.000.000 đồng tiền lãi hui.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả nguyên đơn 120.000.000 đồng, không chấp nhận một phần yêu cầu đối với số tiền 43.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hui thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn khởi kiện do bị đơn tham gia 02 dây hui gồm hui 1.000.000 đồng ngày 15/02/2023 âm lịch (03 chung), hui 2.000.000 đồng ngày 25/7/2024 âm lịch (01 chung). Theo nguyên đơn xác định sau khi hót hui bị đơn đóng hui chết không đầy đủ, số tiền còn nợ là 153.000.000 đồng; bị đơn thống nhất có tham gia hui, hót hui và đóng hui không đầy đủ, xác định đến thời điểm khởi kiện bị đơn chỉ nợ 26.000.000 đồng và đồng ý trả tiếp đến khi mãn hui.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Việc bị đơn tham gia hui do nguyên đơn làm chủ hui là có xảy ra trên thực tế, các đương sự thống nhất bị đơn đã hót hết các chung hui và đóng hui không đầy đủ.

Về thời gian ngưng đóng hui: Nguyên đơn xác định bị đơn ngưng đóng từ ngày 10/01/2025, bị đơn xác định từ ngày 15/3/2025, do hai bên không có chứng cứ chứng minh nên cần chấp nhận lời khai của bị đơn về thời gian ngưng đóng hui từ ngày 15/3/2025.

Về số tiền còn nợ: Các bên không thống nhất nhau, bị đơn xác định đến thời điểm ngày 15/3/2025 thì bị đơn còn nợ 26.000.000 đồng, hai bên cung cấp tài liệu

là giấy tờ do đương sự tự ghi để theo dõi, không có xác nhận của hai bên nên không có giá trị pháp lý để làm căn cứ xem xét. Như vậy ngoài lời thừa nhận của bị đơn thì các đương sự không có chứng cứ chứng minh bị đơn còn nợ hội bao nhiêu nên cần chấp nhận lời thừa nhận của bị đơn còn nợ số tiền 26.000.000 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền hội đến khi các dây hội mãn. Xét thấy quá trình tham gia hội bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ đóng hội nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền hội đến khi mãn hội là có căn cứ, tại phiên tòa bị đơn thống nhất trả tiền đến khi mãn các dây hội.

Đối với dây hội ngày 15/02/2023 âm lịch, có 56 chung, mỗi tháng khai 02 lần, bị đơn tham gia 03 chung, hội mãn ngày 30/4/2025 âm lịch, bị đơn ngưng đóng từ ngày 15/3/2025 đến ngày 30/4/2025 là 04 kỳ tương đương số tiền là 12.000.000 đồng.

Đối với dây hội ngày 25/7/2024 âm lịch, loại hội 2.000.000 đồng có 52 chung, mỗi tháng khai 02 lần, bị đơn tham gia 01 chung, hội mãn ngày 30/8/2026 âm lịch, bị đơn ngưng đóng từ ngày 15/3/2025 đến ngày 30/8/2026 là 36 kỳ tương đương số tiền là 72.000.000 đồng.

Tổng số tiền bị đơn còn nợ là $72.000.000đ + 12.000.000đ + 26.000.000đ = 110.000.000$ đồng.

Đối với số tiền 10.000.000 đồng, nguyên đơn xác định đây là số tiền hội bị đơn nợ trong quá trình tham gia dây hội trước đây, bị đơn thừa nhận có nợ 10.000.000 đồng nhưng xác định đây là tiền lãi do bị đơn chậm đóng hội. Các đương sự không đưa ra được chứng cứ, chứng minh cho lời trình bày của mình tuy nhiên tại phiên tòa, bị đơn thống nhất có nợ 10.000.000 đồng và đồng ý trả nên cần chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 120.000.000 đồng, không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền 43.000.000 đồng.

[3] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn được miễn do thuộc trường hợp là người cao tuổi.
- Bị đơn phải chịu 6.000.000 đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường; Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Mỹ H.

Buộc ông Trương Văn T và bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Mỹ H số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Mỹ H về việc yêu cầu ông T, bà C trả số tiền 43.000.000 đồng (Bốn mươi ba triệu đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà H được miễn.

- Ông T và bà C phải chịu 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng), chưa nộp.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 3 – Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Dũng Liêm

